

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

Số: 24 /QLCL-CL1
V/v: Xuất khẩu thủy sản vào Serbia

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2009

ĐÃ KIỂM SOÁT
Từ ngày 12/01/09

Kính gửi:

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản
- Các Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1-6

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản nhận được công thư số 337-00-576/2008-05 ngày 02/12/2008 của Cục Thú Y- Bộ Nông Lâm nghiệp và Quản lý nước, Cộng hòa Serbia thông báo:

- Chỉ những doanh nghiệp chế biến thủy sản có tên trong danh sách được EU chấp nhận mới được phép xuất khẩu thủy sản vào Serbia.

- Mỗi lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Serbia phải kèm theo chứng thư của Serbia (tương tự mẫu chứng thư EU quy định, có bổ sung ngôn ngữ Serbia).

Để triển khai yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền Serbia, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản yêu cầu các đơn vị thực hiện như sau:

1. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản:

Kể từ ngày 15/01/2009, chỉ các lô hàng được sản xuất tại các doanh nghiệp có tên trong danh sách EU chấp nhận mới được đăng ký kiểm tra, chứng nhận chất lượng theo mẫu nêu tại Phụ lục để xuất khẩu vào Serbia.

2. Các Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1-6:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện đúng các nội dung theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền Serbia đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường này.

- Thực hiện kiểm tra các lô hàng thủy sản đăng ký xuất khẩu vào Serbia như đối với các lô hàng xuất khẩu vào thị trường EU (quy định tại Quyết định 2670/QĐ-BNN-QLCL ngày 29/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và cấp chứng thư theo mẫu nêu tại Phụ lục khi có các kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

Đề nghị các đơn vị lưu ý thực hiện. *pn*

Nơi nhận

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng KH-TH (phối hợp);
- Tổng Cục Hải quan;
- VASEP;
- Lưu VT, CL1. *pn*

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Bích Nga

Phụ lục 1: Mẫu Giấy chứng nhận Chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm xuất khẩu vào Serbia
(áp dụng từ ngày 15/01/2009)



MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT - SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
NATIONAL FISHERIES QUALITY ASSURANCE AND VETERINARY DEPARTMENT BRANCH.....

Address:

TEL :

FAX:

E-mail:

ЗДРАВСТВЕНО УВЕРЕЊЕ ЗА УВОЗ РИБА И ДРУГИХ ВОДЕНИХ ЖИВОТЊИЊА НАМЕЊЕНИХ ЗА ЉУДСКУ УПОТРЕБУ
HEALTH CERTIFICATE FOR IMPORTS OF FISH AND FISHERY PRODUCTS FOR HUMAN CONSUMPTION

ЗЕМЉА/ COUNTRY

Део I: Појединости о отпремљеној пошиљци Part I: Details of dispatched consignment	1.1. Пошиљалац /Consignor		1.2. Серијски број сертификата /Certificate reference number		1.2.a.	
	а) Име / Name Адреса/ Address Поштански код/ Postal code Тел. број/ Tel.No		1.3. Централни Надлежни орган /Central Competent Authority			
			1.4. Локални Надлежни орган/Local Competent Authority			
	1.5. Прималац/Consignee		1.6.			
	Име/ Name Адреса /Address Поштански код/ Postal code Тел. број/ Tel.No					
	1.7. Земља порекла/ Country of origin	ИСО код /ISO code	1.8.	1.9. Земља одређишта/ Country of destination	ИСО код /ISO code	1.10
	1.11. Место порекла/ Place of origin		1.12.			
	Назив/Name Адреса/Address Одобрени број/Approval number					
	1.13. Место уговара/Place of loading		1.14. Датум отпреме/Date of departure			
	1.15. Транспортно средство/Means of transport (*)		1.16. Улазни гранични прелаз у Републику Србију /Entry BIP in Republic of Serbia			
Авион/ Aeroplane <input type="checkbox"/> Брод/ Ship <input type="checkbox"/> Железнички вагон/ Railway wagon <input type="checkbox"/> Камион/ Road vehicle <input type="checkbox"/> Друго /Other/ <input type="checkbox"/> Идентификација/ Identification:		1.17.				
Ознаке са документата / Documentary references:						
1.18. Опис робе/Description of commodity			1.19. Код робе(ЦК код)/ Commodity code (HS code)			
			1.20. Количина/Quantity			
1.21. Температура производа/Temperature of product			1.22. Број пакета/Number of packages			
Собна/ Ambient <input type="checkbox"/> Расхлађен/Chilled <input type="checkbox"/> Замрзнут/ Frozen <input type="checkbox"/>						
1.23. Идентификација на контејнеру/Број печата/ Identification of container/Seal number			1.24. Начин паковања/Type of packaging			
1.25. Роба одобрена за/Commodities certified for:						
Људску употребу/ Human consumption <input type="checkbox"/>						
1.26.			1.27. За увоз или пријем у Републику Србију/For import or admission into Republic of Serbia <input type="checkbox"/>			
1.28. Идентификација робе /Identification of the commodities						
Одобрени број објекта/Approval number of establishments						
Врста/Species (Научно име)/ (Scientific name)		Начин обраде/treatment type	Врста робе/ Nature of commodity			
Производни објекат/manufacturing plant		Број паковања/ Number of packages	Нето маса/ Net weight			

II. Уверење о здравственом стању/ Health attestation

II.a. Број уверења /
Certificate reference number

II.b.

II.1 Уверење о јавном здрављу/ Public health attestation

Ја, доле потписани, изјављујем да сам упознат са важећим одредбама Уредбе (ЕЦ) бр. 178/2002, (ЕЦ) бр. 852/2004, (ЕЦ) бр. 853/2004 и (ЕЦ) бр. 853/2004 и потврђујем да су горе описани производи рибарства произведени у сагласности са тим захтевима, односно да:

I, the undersigned, declare that I am aware of the relevant provisions of Regulations (EC) No 178/2002, (EC) No 852/2004 and (EC) No 853/2004 and (EC) No 853/2004 and certify that the fishery products described above were produced in accordance with those requirements, in particular that they

- потичу из објекта (ата) који примењује(у) програм заснован на HACCP начелима у складу са Уредбом (ЕЦ) бр. 852/2004
come from (an) establishment(s) implementing a programme based on the HACCP principles in accordance with Regulation (EC) No 852/2004.
- је била уловљена и да је руковано са њом на броду, искрцана, руковано и где је одговарајуће припремљена, прерађена, замрзнута и одмрзнута хигијенски у складу са захтевима изложеним у Анексу III, Одељак VIII, Поглавља I до IV Уредбе (ЕЦ) бр. 853/2004,
have been caught and handled on board vessels, landed, handled and where appropriate prepared, processed, frozen and thawed hygienically in compliance with the requirements laid down in Section VIII, Chapters I to IV of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004,
- задовољавају здравствене стандарде наведене у Анексу III, Одељак VIII, Поглавље V Уредбе (ЕЦ) бр. 853/2004 и услове наведене у Уредби (ЕЦ) бр. 2073/2005 микробиолошким условима прехранбених производа
satisfy the health standards laid down in Section VIII, Chapter V of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004 and the criteria laid down in Regulation (EC) No 2073/2005 on microbiological criteria for foodstuffs,
- су упаковани, складиштени и транспортовани у складу са Анексом III, Одељак VIII, Поглавља VI до VIII Уредбе (ЕЦ) бр. 853/2004
have been packaged, stored and transported in compliance with Section VIII, Chapters VI to VIII of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004.
- су означени идентификационом ознаком у складу са Анексом II, Одељак I Уредбе (ЕЦ) бр. 853/2004
have been marked in accordance with Section I of Annex II to Regulation (EC) No 853/2004
- гаранције које се односе на живе животиње и њихове производе, ако су пореклом аквакултуре, предвиђене планом о резидуама који се подноси у складу са Упутством 96/23/ЕС, а посебно чланом 29 истог, су испуњене
the guarantees covering live animals and products thereof, if from aquaculture origin, provided by the residue plans submitted in accordance with Directive 96/23/EC, and in particular Article 29 thereof, are fulfilled

and

- су задовољавајуће прошли званичну контролу дефинисану Анексом III Уредбе (ЕЦ) бр. 854/2004
have satisfactorily undergone the official controls laid down in Annex III to Regulation (EC) No 854/2004.

II.2. (1) [Уверење о здравственом стању животиња за производе аквакултуре/Animal health attestation for products of aquaculture origin]

Ја, доле потписани, изјављујем да производи од рибе описани горе потичу од риба или љускара који су клинички здрави на дан улова, и да су транспортовани у условима који нису изменили здравствено стање производа, и потврђујем, нарочито да:

I, the undersigned, declare that the fishery products described above originate from fish or crustaceans that were clinically healthy on the day of harvest, and have been transported under conditions that do not alter the animal health status of the products and certify, in particular that:

- (1)(2) у колико потичу од врста пријемчивих (3) на ЗАЈ и/или ЕХН, оне:
(1)(2) if from species susceptible (3) to ISA and/or EHN, they:
 - (1) [потичу из извора (4) који се сматра слободним од ЗАЈ и/или ЕХН у складу са важећим законодавством ЕУ или ОИЕ стандардима(5)].
(1) [originate from a source (4) considered free from ISA and/or EHN in accordance with the relevant EU legislation or OIE Standard (5)].
 - (1) [су заклане и извршена је евисцерација].
(1) [have been slaughtered and eviscerated]]
- (1)(6) у колико потичу од врста пријемчивих (3) на ВХС и/или ЗХИ
(1)(6) if from species susceptible (3) to VHS and/or IHN, they:
 - (1) [потичу из извора (4) који се сматра слободним од ВХС и/или ЗХИ у складу са важећим законодавством ЕУ или ОИЕ стандардима(5)].
(1) originate from a source (4) considered free from (1) VHS/(1) IHN in accordance with the relevant EU legislation or OIE Standard (5)].
 - (1) [су заклане и извршена је евисцерација].
(1) [have been slaughtered and eviscerated]]

Папомена /Notes

Део I /Part I

Рубрика I.8. Регион порекла: За производе пореклом аквакултуре и ако је одговарајуће, наведите зоне као што је у списку у Одлуци Комисије 2002/308/ЕЦ. За замрзнуте или прерађене прерађене дводихалнице, назначите подручје производње./ Box reference I.8. Region of origin For products of aquaculture origin and if appropriate, indicate zones as listed in Commission Decisions 2002/308/EC and 2003/634/EC. For frozen or processed bivalve molluscs, indicate the production area.

Рубрика I.11. Место порекла: име и адреса објекта испоруке/ Box reference I.11. Place of origine name and address of the dispatch establishment

Рубрика I.15. Регистарски број (за железнички вагони или контејнери и камиони), број лета (за авиони) или име (за брод)

Посебна информацију се мора дати у случају истовара или претовара/

Box reference I.15: Registration number (railway wagons or container and lorries), flight number (aircraft) or name (ship).

Separate information is to be provided in case of unloading and reloading.

Рубрика I.19. Користите одговарајуће ЦК кодове

Box reference I.19: Use the appropriate HS codes

Рубрика I.23. Идентификација на контејнеру/број блombe: где је применљиво/ Box reference I.23. Identification of container/Seal number: only where applicable.

Рубрика I.28. Врста робе: навести да ли је одгајана или из природе

Начин обраде: жива, охлађена, замрзнута, прерађена.

Производни објекат: укључујући брод фабрику, брод хладњачу, хладњачу, објекат за прераду

Box reference I.28: Nature of commodity: specify if aquaculture or wild origin.

Treatment type: live, chilled, frozen, processed.

Manufacturing plant: includes factory vessel, freezer vessel, cold store, processing plant.

Део II /Part II:

Део II 2 се не односи на пошиљке намењене за малопродају, под условом да испуњавају услове паковања и етикетања наведене у Уредби (ЕЦ) бр. 853/2004

Part II.2 is not relevant for consignments intended for retail, provided they comply with the rules applying to packaging and labelling laid down in Regulation (EC) No 853/2004.

Непотребно прецртати/ Delete as appropriate.

Овај део уверења о здравственом стању животиња се односи једино ако се пошиљка састоји од врста наведених а пријемчивих на ЗАЛ и/или ЕХН. Захтеви се односе на извоз у све земље чланице, при чему једна од две изјаве треба да буде остављена, изузев уколико је пошиљка намењена за даљу прераду у одобреном увозном центру./ This part of the animal health certificate is only relevant if the consignment comprises species referred to as susceptible to ISA and/or EHN. The requirement applies to exports to all Member States, whereby one of the two statements should be retained, unless the consignment is intended for further processing in an approved import centre.

(*) Познате пријемчиве врсте/ Known susceptible species

Болест/Disease

ЕХН/ЕHN

(Ентеровска хематопоетска некроза)

Пријемчиве врсте домаћина/Susceptible host species

Греч. Калифорнијска настрмка/Redfin perch (*Perca fluviatilis*) rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss*)

ЗАЛ/ISA

(Заразна анемија лососа)

Атлантски лосос, Калифорнијска настрмка, настрмка /Atlantic salmon (*Salmo salar*), rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss*), brown trout (*Salmo trutta*).

ВХС /VHS

(Вирусна хеморагијска септикемија)

Бакалар, Атлантска харинга, пастрмка, Краљевски лосос, сребрнасти лосос, линђен, бакалар хедок
Пацифички бакалар, Пацифичка харинга, штука, калифорнијска настрмка, угор, папањина, лист,
северна настрмка/ Atlantic cod (*Gadus morhua*), Atlantic herring (*Clupea harengus*), brown trout (*Salmo trutta*), Chinook salmon (*Oncorhynchus tshawytscha*), coho salmon (*O. kisutch*), grayling (*Thymallus thymallus*), haddock (*Melanogrammus aeglefinus*), Pacific cod (*Gadus macrocephalus*), Pacific herring (*Clupea harengus pallasi*), pike (*Esox lucius*), rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss*), rockling (*Rhinonemus cimbrius*), sprat (*Sprattus sprattus*), turbot (*Scophthalmus maximus*), whitefish (*Coregonus* sp.)

ЗАН/ИHN

(Заразна хематопоетска некроза)

Калифорнијска настрмка, Врста пацифичког лососа(краљевски лосос, црвени лосос, пругасти лосос, јапански лососем, ружичасти лосос и сребрнасти лосос) и Атлантски лосос/ Rainbow or steelhead trout (*Oncorhynchus mykiss*), the Pacific salmon species (chinook salmon (*O. tshawytscha*), sockeye salmon (*O. nerka*), chum salmon (*O. keta*), masou salmon (*O. masou*), pink salmon (*O. rhodurus*) and coho salmon (*O. kisutch*), and Atlantic salmon (*Salmo salar*).

(*) Извор може да буде земља, зона или индивидуална фарма/ Source may be a country, zone, or an individual farm.

(*) Слободно сагласно одредбама наведеним у Анексу В и С Упутства 91/67/ЕЕС, и Одлуке Комисије 2001/183/ЕЕС и 2003/466/ЕЦ.

(*) Слободно сагласно последњем издању ОИЕ Кода и Приручника је такође прихватљиво./ Freedom according to the provisions laid down in Annex B or C to Directive 91/67/EEC, and Commission Decisions 2001/183/EEC and 2003/466/EC. Freedom according to the most current edition of the OIE Code and Manual is also recognised.

(*) Овај део уверења о здравственом стању животиња се односи једино ако се пошиљка састоји од врста наведених а пријемчивих на ВХС и/или ЗАН. Да би се одобрио улазак пошиљке у земљу чланицу или њен део(рубрике I.9 и I.10 у Делу I уверења) који је слободан од ВХС и/или ЗАН или се спроводи план за такав статус, једна од две изјаве треба да буде остављена, изузев уколико је пошиљка намењена за даљу прераду у одобреном увозном центру./ This part of the animal health certificate is only relevant if the consignment comprises species referred to as susceptible to VHS and/or IHN. In order for the consignment to be authorised into a Member State or part thereof (boxes I.9 and I.10 of Part I of the certificate) declared free from VHS, and/or IHN, or undergoing a programme for such freedom, one of the two statements must be retained, unless the consignment is intended for further processing in an approved import centre.

Листа таквих земаља и зона је наведена у Одлукама Комисије 2002/308/ЕЦ и 2003/634/ЕЦ. A list of such Member States and zones are listed in Commission Decisions 2002/308/EC and 2003/634/EC.

Потпис и печат морају бити другачије боје од осталих одредница у уверењу./The colour of the stamp and signature must be different from that of the other particulars in the certificate

Овлашћени ветеринар / *Official veterinarian*

Име (великим словима) / *Name (in capitals)*:

Квалификација и звање / *Qualification and title*

Датум / *Date*:

Потпис⁽²⁾ / *Signature⁽²⁾*:

Печат⁽²⁾ / *Stamp⁽²⁾*